

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2022
"Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường

2. Bà Võ Thị Bích Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 306/2022/TLST-HN, ngày 19/8/2022, về việc "*Tranh chấp Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị Thu L, sinh năm 1994 (có đơn đề nghị nghị xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Số 16/1B, hẻm C, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Trịnh Minh C, sinh năm 1992 (Vắng mặt). Địa chỉ: Số 40/2, khóm M, phường C, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Tô Thị Thu L trình bày:

Bà L và ông C tự tìm hiểu nhau một năm thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/7/2014. Sau khi kết hôn, bà L và ông C thuê nhà trọ sống riêng. Bà L và ông C sống hạnh phúc khoảng ba đến bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2019 thì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông C chơi cờ bạc trực tuyến gây nợ nần, không quan tâm chăm lo cho vợ và con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Do bà L không còn

tình cảm với ông C nên không thể hàn gắn đoàn tụ, vì vậy bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà L và ông C có một con chung tên Trịnh Minh T, sinh ngày 15/01/2015. Hiện nay cháu T đang ở chung với bà L. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà L đang làm công nhân may tại Công ty may N, thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 12.000.000đ nên có đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L khai, bà và ông C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trịnh Minh C được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông C vắng mặt tham gia hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu: Về thủ tục tố tụng, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và tuân thủ đúng các bước thu thập chứng cứ, đảm bảo về thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Quá trình kiểm sát xét xử tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các bước tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Về hôn nhân: Bà Tô Thị Thu L được ly hôn với ông Trịnh Minh C.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Minh T, sinh ngày 15/01/2015 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được qui định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Tô Thị Thu L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Trịnh Minh C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà L và ông C tự nguyện tìm hiểu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn ông bà cũng có thời gian sống hạnh phúc nhưng đến khi xảy ra mâu thuẫn thì ông bà không cùng nhau giải quyết và hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Căn cứ đơn khởi kiện và lời khai của bà L trình bày, ông bà đã sống ly thân nhiều năm, bà L không còn tình cảm với ông C nên không thể đoàn tụ. Về phía ông C tại tòa vắng mặt và cũng không nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà L, Tòa án căn cứ lời khai, tài liệu chứng cứ bà L cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Xét lời khai của bà L tại tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Bà L và ông C có một con chung tên là Trịnh Minh T, sinh ngày 15/01/2015. Bà L yêu cầu nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Về phía ông C cũng không nêu ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà L khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Do đó, xét yêu cầu của bà L, nguyện vọng của cháu T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L giao cháu T cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông C có quyền xin thay đổi nuôi con nếu xét thấy cần thiết và phải thực hiện thủ tục xin thay đổi theo quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

[5] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Tô Thị Thu L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tô Thị Thu L. Bà Tô Thị Thu L được ly hôn với ông Trịnh Minh C.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Minh T, sinh ngày 15/01/2015 là con chung của bà L và ông C cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Tô Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà L được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 08/8/2022 theo biên lai thu số N₀ 0001405 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà L đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh VL;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Chi cục Thi hành án TPVL;
- UBND phường H, TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung

